

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

Tên dự án: Xây dựng Trụ sở chung cho các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa

Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 13/09/2024, theo đó, chia thành 02 dự án thành phần gồm:

- Dự án thành phần 1: Xây dựng Trụ sở chung cho các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa;

- Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án Xây dựng Trụ sở chung cho các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa.

Địa điểm thực hiện dự án: Tại Đồ án Quy hoạch Phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính mới tỉnh Khánh Hoà, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

Căn cứ văn bản số 11351/UBND-XDND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai dự án Trụ sở chung cho các cơ quan của tỉnh tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang. Theo đó:

Chủ đầu tư dự án thành phần 1: Ban Quản lý Dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: Số 37 Tô Vĩnh Diện, P.Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Khánh Hoà

Điện thoại: 0258 3562 204

Fax: 0258 3562 203

Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) của dự án bao gồm nội dung đánh giá tác động môi trường và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đối với các hoạt động được triển khai theo từng giai đoạn của Dự án thành phần 1, bao gồm:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Thi công san nền và chuẩn bị kỹ thuật; Thi công xây dựng hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật; Thi công xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc, công trình phụ trợ và các công trình bảo vệ môi trường.

+ Giai đoạn vận hành: Hoạt động của hệ thống giao thông, hệ thống hạ tầng cấp điện, cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường; Hoạt động khối nhà phục vụ hoạt động làm việc hành chính và các hạng mục công trình chức năng thuộc phạm vi dự án.

Phạm vi báo cáo ĐTM không bao gồm các hoạt động: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc dự án thành phần 2 (do UBND thành phố Nha Trang làm chủ đầu tư).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Dự án có tổng diện tích sử dụng đất khoảng 9,21 ha tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Quy mô người sử dụng dự kiến: khoảng 1.119 người.

Quy mô diện tích làm việc của Dự án xây dựng Trụ sở chung cho các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Chính trị - Xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 49.712,5 m² (không bao gồm bãi xe) cụ thể như sau:

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
TẦNG 1	Tổng diện tích sàn làm việc	5.525,9
1	Diện tích tiếp dân	708,2
Khối A		0
Khối B	Tiếp dân 1 đến 11	354,1
Khối C	Tiếp dân 1 đến 11	354,1
2	Diện tích Quản trị thông tin	1122,6
Khối A		0
Khối B		561,3
	<i>Quản trị hệ thống CNTT1</i>	280,65
	<i>Quản trị hệ thống CNTT2</i>	280,65
Khối C		561,3
	<i>Quản trị hệ thống CNTT1</i>	280,65
	<i>Quản trị hệ thống CNTT2</i>	280,65

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
3	Diện tích chuyên dùng	3695,1
Khối A		1145,5
	<i>Không gian lưu trữ</i>	853
	<i>Phòng kỹ thuật & kho</i>	292,5
Khối B		1274,8
	<i>Kho bảo quản tài liệu 1</i>	210
	<i>Kho bảo quản tài liệu 2</i>	226
	<i>Kho bảo quản tài liệu 3</i>	210
	<i>Kho bảo quản tài liệu 4</i>	234,7
	<i>Kho bảo quản tài liệu 5</i>	226
	<i>Kho lưu trữ 1</i>	87,4
	<i>Kho lưu trữ 2</i>	80,7
Khối C		1274,8
	<i>Kho bảo quản tài liệu 1</i>	210
	<i>Kho bảo quản tài liệu 2</i>	226
	<i>Kho bảo quản tài liệu 3</i>	210
	<i>Kho bảo quản tài liệu 4</i>	234,7
	<i>Kho bảo quản tài liệu 5</i>	226
	<i>Kho lưu trữ 1</i>	87,4
	<i>Kho lưu trữ 2</i>	80,7
TẦNG 2	Tổng diện tích sàn làm việc	5051,6
1	Diện tích Sở dân tộc	292,9
Khối B		292,9
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	135,5
	<i>Trưởng phòng 1</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 2</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 3</i>	11,8
	<i>PGĐ 1</i>	14,8
	<i>PGĐ 2</i>	14,8
	<i>GD Sở dân tộc và tôn giáo</i>	24,8

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>Chuyên viên</i>	67,6
2	<i>Diện tích Ủy ban MTTQ Việt Nam</i>	313,6
Khối B		313,6
	<i>Phó trưởng ban + chuyên viên 1</i>	107
	<i>Phó trưởng ban + chuyên viên 2</i>	102
	<i>Trưởng ban 1</i>	11,8
	<i>Trưởng ban 2</i>	11,8
	<i>Trưởng ban 3</i>	11,8
	<i>PCT1</i>	14,8
	<i>PCT2</i>	14,8
	<i>PCT2</i>	14,8
	<i>Chủ tịch Ủy ban MTTQ VN</i>	24,8
3	<i>Diện tích Sở nông nghiệp và môi trường</i>	1071,2
Khối C		1071,2
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	94
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	75,2
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	119
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	335
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	143
	<i>Hợp đồng lao động</i>	60
	<i>Phó phòng + chuyên viên + Hợp đồng lao động</i>	
4	<i>Diện tích chuyên dùng</i>	3373,9
Khối A		469,6
	<i>Không gian lưu trữ 1</i>	147,2
	<i>Không gian lưu trữ 2</i>	147,2
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 1</i>	12,6
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 2</i>	12,6
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 3</i>	5
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 4</i>	25
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 5</i>	25

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 6</i>	7,4
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 7</i>	12,6
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 8</i>	12,6
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 9</i>	5
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 10</i>	25
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 11</i>	25
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 12</i>	7,4
Khối B		1802
	<i>Kho lưu trữ</i>	85,7
	<i>Phòng họp 1</i>	60
	<i>Phòng họp 2</i>	70
	<i>Kho 1</i>	7,65
	<i>Kho 2</i>	7,65
	<i>Không gian 1</i>	785,5
	<i>Không gian 2</i>	785,5
Khối C		1102,3
	<i>Kho lưu trữ lịch sử</i>	785,5
	<i>Kho lưu trữ 1</i>	85,7
	<i>Kho lưu trữ 2</i>	42,6
	<i>Kho lưu trữ 3</i>	58,5
	<i>Phòng họp 1</i>	60
	<i>Phòng họp 2</i>	70
TẦNG 3	<i>Tổng diện tích sàn làm việc</i>	
1	<i>Diện tích Tỉnh đoàn</i>	256,6
Khối B		256,6
	<i>Bí thư tỉnh đoàn</i>	24,8
	<i>PBT1</i>	14,8
	<i>PBT2</i>	14,8
	<i>PBT2</i>	14,8
	<i>Phó ban + chuyên viên</i>	152

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>Trưởng ban 3</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng ban 2</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng ban 2</i>	<i>11,8</i>
2	<i>Diện tích Hội Liên hiệp phụ nữ</i>	<i>221,8</i>
Khối B		<i>221,8</i>
	<i>Phó ban + chuyên viên</i>	<i>82</i>
	<i>PCT1</i>	<i>14,8</i>
	<i>PCT2</i>	<i>14,8</i>
	<i>Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ</i>	<i>24,8</i>
	<i>Phó ban + chuyên viên</i>	<i>50</i>
	<i>Trưởng ban 1</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng ban 2</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng ban 3</i>	<i>11,8</i>
3	<i>Diện tích chuyên dùng</i>	<i>1420,5</i>
Khối A	<i>Không gian lưu trữ</i>	<i>674,7</i>
Khối B		<i>488,35</i>
	<i>Kho 1</i>	<i>7,65</i>
	<i>Kho 2</i>	<i>7,65</i>
	<i>Kho 3</i>	<i>7,65</i>
	<i>Kho 4</i>	<i>7,65</i>
	<i>Kho 5</i>	<i>7,65</i>
	<i>Kho lưu trữ 1</i>	<i>85,7</i>
	<i>Kho lưu trữ 2</i>	<i>89,5</i>
	<i>Kho lưu trữ 3</i>	<i>40,3</i>
	<i>Kho lưu trữ 4</i>	<i>60,9</i>
	<i>Phòng họp 1</i>	<i>66,4</i>
	<i>Phòng họp 2</i>	<i>24,4</i>
	<i>Phòng họp 3</i>	<i>26</i>
	<i>Phòng họp 4</i>	<i>26</i>
	<i>Phòng họp 5</i>	<i>30,9</i>

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
Khối C		257,45
	<i>Kho lưu trữ 1</i>	42,7
	<i>Kho lưu trữ 2</i>	88,3
	<i>Kho lưu trữ 3</i>	42,7
	<i>Kho lưu trữ 4</i>	60,8
	<i>Kho 1</i>	7,65
	<i>Kho 2</i>	7,65
	<i>Kho 3</i>	7,65
4	<i>Diện tích Sở tư pháp</i>	345,4
Khối B		345,4
	<i>Trưởng phòng 1</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 2</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 3</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 4</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 5</i>	11,8
	<i>Phó phòng + chuyên viên Sở tư pháp</i>	216,6
	<i>PGĐ1</i>	15
	<i>PGĐ2</i>	15
	<i>PGĐ3</i>	15
	<i>Phòng Giám đốc Sở tư pháp</i>	24,8
5	<i>Diện tích Hội nông dân tỉnh</i>	256,8
Khối B		256,8
	<i>Phó ban + chuyên viên</i>	167
	<i>Chủ tịch Hội nông dân tỉnh</i>	24,8
	<i>Phó chủ tịch 1</i>	14,8
	<i>Phó chủ tịch 2</i>	14,8
	<i>Trưởng ban 1</i>	11,8
	<i>Trưởng ban 2</i>	11,8
	<i>Trưởng ban 3</i>	11,8
6	<i>Diện tích Sở công thương</i>	437

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
Khối B		0
	<i>Giám đốc Sở công thương</i>	23,8
	<i>Phó GD1</i>	15
	<i>Phó GD2</i>	15
	<i>Phó GD3</i>	15
	<i>Chuyên viên + HĐLĐ</i>	113
	<i>Trưởng phòng 1</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 2</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 3</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 4</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 5</i>	11,8
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	196,2
7	<i>Diện tích Sở nông nghiệp và môi trường</i>	869,5
Khối C		869,5
	<i>Phó phòng + chuyên viên 1</i>	155,5
	<i>Phó phòng + chuyên viên 2</i>	335
	<i>Phó phòng + chuyên viên 3</i>	143
	<i>Phó GD1</i>	15
	<i>Phó GD2</i>	15
	<i>Phó GD3</i>	15
	<i>Phó GD4</i>	15
	<i>Phó GD5</i>	15
	<i>Phó GD6</i>	15
	<i>Phó GD7</i>	15
	<i>Phòng GD Sở NN&MT</i>	24,8
	<i>Trưởng phòng 1</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 2</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 3</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 4</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 5</i>	11,8

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>Trưởng phòng 6</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 7</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 8</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 9</i>	<i>11,8</i>
8	<i>Diện tích Sở nội vụ</i>	<i>468,2</i>
Khối C		<i>468,2</i>
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	<i>260</i>
	<i>Trưởng phòng 1</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 2</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 3</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 4</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 5</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 6</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 7</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 8</i>	<i>11,8</i>
	<i>Phó GD1</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD2</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD3</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD4</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD5</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD6</i>	<i>15</i>
	<i>Phòng GD Sở nội vụ</i>	<i>23,8</i>
9	<i>Diện tích Sở Khoa học và công nghệ</i>	<i>636</i>
Khối C		<i>636</i>
	<i>Giám đốc Sở KH-CN</i>	<i>24</i>
	<i>Phó GD1</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD2</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD3</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD4</i>	<i>15</i>
	<i>Phó phòng + chuyên viên 1</i>	<i>145,4</i>

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>Phó phòng + chuyên viên 2</i>	88,4
	<i>Phó phòng + chuyên viên 3</i>	64
	<i>Phó phòng + chuyên viên 4</i>	89
	<i>Chuyên viên + HDLD</i>	106,2
	<i>Trưởng phòng 1</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 2</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 3</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 4</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 5</i>	11,8
TẦNG 4	<i>Tổng diện tích sàn làm việc</i>	
1	<i>Diện tích Sở y tế</i>	585,5
Khối B		585,5
	<i>Phó phòng + chuyên viên 1</i>	116,5
	<i>Phó phòng + chuyên viên 2</i>	233
	<i>Phó GD1</i>	14,8
	<i>Phó GD2</i>	14,8
	<i>Phó GD3</i>	14,8
	<i>Phó GD4</i>	14,8
	<i>Trưởng phòng 1</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 2</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 3</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 4</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 5</i>	11,8
	<i>Chuyên viên</i>	93
	<i>Giám đốc Sở y tế</i>	24,8
2	<i>Diện tích Sở tài chính</i>	743,5
Khối B		743,5
	<i>Phó phòng + chuyên viên 1</i>	165,8
	<i>Phó phòng + chuyên viên 2</i>	217,7
	<i>Chuyên viên</i>	360

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
3	<i>Diện tích Chuyên dùng</i>	616
Khối A		616
	<i>Không gian lưu trữ</i>	425
	<i>Phòng kỹ thuật & kho 1</i>	191
Khối B		367,05
	<i>Phòng họp 1</i>	60
	<i>Phòng họp 2</i>	70
	<i>Phòng họp 3</i>	85,7
	<i>Kho lưu trữ 1</i>	85,7
	<i>Kho lưu trữ 2</i>	58
	<i>Kho</i>	7,65
Khối C		189,3
	<i>Kho lưu trữ 1</i>	60,8
	<i>Kho lưu trữ 2</i>	42,7
	<i>Kho lưu trữ 3</i>	85,8
4	<i>Diện tích Sở xây dựng</i>	966,1
Khối C		966,1
	<i>Phó phòng + chuyên viên 1</i>	269
	<i>Phó phòng + chuyên viên 2</i>	136,7
	<i>Phó phòng + chuyên viên 3</i>	112,3
	<i>Phó phòng + chuyên viên 4</i>	302,5
	<i>Chuyên viên + HDLD</i>	145,6
5	<i>Diện tích Sở nội vụ</i>	578,7
Khối C		578,7
	<i>Phó phòng + chuyên viên 1</i>	219
	<i>Phó phòng + chuyên viên 2</i>	219
	<i>Chuyên viên + HDLD</i>	140,7
TẦNG 5	<i>Tổng diện tích sàn làm việc</i>	
1	<i>Diện tích Sở GD&ĐT</i>	739,7
Khối B		739,7

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>Chuyên viên + HDLD</i>	<i>514</i>
	<i>Trưởng phòng 1</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 2</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 3</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 4</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 5</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 6</i>	<i>11,8</i>
	<i>Phó GD1</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD2</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD3</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD4</i>	<i>15</i>
	<i>Chuyên viên</i>	<i>71,1</i>
	<i>Giám đốc Sở GD&ĐT</i>	<i>23,8</i>
<i>2</i>	<i>Diện tích Sở tài chính</i>	<i>447,7</i>
Khối B		<i>447,7</i>
	<i>Giám đốc Sở tài chính</i>	<i>23,8</i>
	<i>Phó GD1</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD2</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD3</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD4</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD5</i>	<i>15</i>
	<i>Trưởng phòng 1</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 2</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 3</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 4</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 5</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 6</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 7</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 8</i>	<i>11,8</i>
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	<i>174</i>

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>Chuyên viên + HDLD</i>	80,5
3	<i>Diện tích Chuyên dùng</i>	465,4
Khối A	<i>Phòng kỹ thuật &kho</i>	77,2
Khối B		149,5
Khối C		238,7
4	<i>Diện tích Sở xây dựng</i>	631,6
Khối C		631,6
	<i>Giám đốc Sở xây dựng</i>	23,8
	<i>Phó GD1</i>	15
	<i>Phó GD2</i>	15
	<i>Phó GD3</i>	15
	<i>Phó GD4</i>	15
	<i>Phó GD5</i>	15
	<i>Trưởng phòng 1</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 2</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 3</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 4</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 5</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 6</i>	11,8
	<i>Trưởng phòng 7</i>	11,8
	<i>Phó phòng + chuyên viên</i>	450,2
5	<i>Diện tích 19 Hội</i>	383,9
Khối C		383,9
	<i>Chuyên viên</i>	34,5
	<i>Chức danh tương đương</i>	10,3
	<i>Phó phòng 1</i>	10,3
	<i>Phó phòng 2</i>	10,3
	<i>Trưởng phòng 1</i>	10,3
	<i>Trưởng phòng 2</i>	10,3
	<i>PCT 1</i>	10,3

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>PCT 2</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chánh văn phòng</i>	<i>10,4</i>
	<i>Chủ tịch tạp chí Nha Trang</i>	<i>11,4</i>
	<i>Chuyên viên tạp chí Nha Trang</i>	<i>31,9</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>23,6</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Phó chánh văn phòng</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chánh văn phòng</i>	<i>10,3</i>
	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Thường trực</i>	<i>10,3</i>
	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>9</i>
	<i>Trưởng phòng</i>	<i>7,6</i>
	<i>Phó chủ tịch 1</i>	<i>9,6</i>
	<i>Phó chủ tịch 2</i>	<i>9,6</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>11,8</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>9</i>
	<i>Chuyên viên + HĐLĐ</i>	<i>18,3</i>
	<i>Chủ tịch</i>	<i>11,8</i>
TẦNG 6	<i>Tổng diện tích sàn làm việc</i>	
1	<i>Diện tích 19 Hội</i>	<i>497</i>
Khối C		<i>497</i>
	<i>PCT Hội thanh niên xung phong</i>	<i>11,2</i>
	<i>CT Hội thanh niên xung phong</i>	<i>11,2</i>
	<i>PCTI Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,2</i>

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>PCT2 Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,2</i>
	<i>Trưởng phòng 1 Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,2</i>
	<i>Trưởng phòng 2 Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,2</i>
	<i>Phó phòng 1 Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,2</i>
	<i>Phó phòng 2 Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,2</i>
	<i>Chức danh tương đương Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,2</i>
	<i>PCT1 Hội nhà báo</i>	<i>11,2</i>
	<i>PCT2 Hội nhà báo</i>	<i>11,2</i>
	<i>Chánh văn phòng Hội nhà báo</i>	<i>11,2</i>
	<i>CT Hội VHNT</i>	<i>11,2</i>
	<i>Chuyên viên Hội VHNT</i>	<i>20,5</i>
	<i>PCT Hội VHNT</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chánh văn phòng Hội VHNT</i>	<i>9</i>
	<i>Chủ tịch Hội VHNT TẠP Chí Nha Trang</i>	<i>11,4</i>
	<i>Chuyên viên Hội VHNT TẠP Chí Nha Trang</i>	<i>31,9</i>
	<i>CT Hội NCT</i>	<i>20,5</i>
	<i>PCT Hội NCT</i>	<i>11,4</i>
	<i>Chánh văn phòng Hội NCT</i>	<i>10,3</i>
	<i>PCT Hội LG tỉnh</i>	<i>10,3</i>
	<i>CT Hội LG tỉnh</i>	<i>10,3</i>
	<i>PCT Hội CSCM</i>	<i>10,3</i>
	<i>CT Hội CSCM</i>	<i>10,3</i>
	<i>Phó chánh văn phòng hội KH</i>	<i>10,3</i>
	<i>Chánh văn phòng Hội KH</i>	<i>10,3</i>
	<i>PCT Hội KH</i>	<i>10,3</i>
	<i>CT Hội KH</i>	<i>10,3</i>
	<i>Thường trực Hội NNCDMDC</i>	<i>10,3</i>
	<i>PCT Hội NNCDMDC</i>	<i>10,3</i>
	<i>CT Hội chữ thập đỏ</i>	<i>11,8</i>
	<i>Chuyên viên + HĐLĐ Hội chữ thập đỏ</i>	<i>18,3</i>

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH		
	TÊN PHÒNG	DIỆN TÍCH (m²)
	<i>CT Hội nhà báo</i>	<i>11,8</i>
	<i>Chuyên viên HDLD Hội nhà báo</i>	<i>11,8</i>
	<i>HDLD Hội VHNT</i>	<i>5,9</i>
	<i>CT Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị</i>	<i>5,9</i>
	<i>PCT1 Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị</i>	<i>11,8</i>
	<i>PCT2 Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị</i>	<i>9,6</i>
	<i>Trưởng phòng Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị</i>	<i>0,6</i>
	<i>Phó phòng Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị</i>	<i>0,6</i>
	<i>Chuyên viên Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị</i>	<i>18,5</i>
2	<i>Diện tích Sở văn hoá-thể thao-du lịch</i>	<i>651,9</i>
Khối B		<i>651,9</i>
	<i>Phó phòng-+ chuyên viên + HDLD</i>	<i>509,1</i>
	<i>Trưởng phòng 1</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 2</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 3</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 4</i>	<i>11,8</i>
	<i>Trưởng phòng 5</i>	<i>11,8</i>
	<i>Phó GD1</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD2</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD3</i>	<i>15</i>
	<i>Phó GD4</i>	<i>15</i>
	<i>Giám đốc sở VH-TT-DL</i>	<i>23,8</i>
3	<i>Diện tích chuyên dùng</i>	<i>596,3</i>
Khối A		<i>424,8</i>
Khối B		<i>90,5</i>
Khối C		<i>81</i>

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế cơ sở dự án)

- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng Trụ sở của làm việc chung cho các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, nâng cao hiệu quả làm việc của bộ máy hành chính, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, dự kiến bố trí cho các đơn vị:

- + Các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa
- + Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + Các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa
- + Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.

Mục tiêu xây dựng công trình trụ sở làm việc đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, đồng bộ, hiện đại, áp dụng tiêu chuẩn công trình xanh, tiết kiệm năng lượng và đáp ứng điều kiện làm việc của các sở, ban, ngành chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của bộ máy hành chính, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, từng bước góp phần tinh giảm bộ máy hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, hiện đại, đồng bộ và góp phần sắp xếp lại đô thị và giảm tải cho khu vực thành phố Nha Trang. Bên cạnh đó, việc đầu tư Dự án xây dựng Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa còn góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Quy hoạch xây dựng khu trung tâm thành phố Nha Trang; tạo sự liên kết giữa các cơ quan, định hình một khu liên cơ làm việc tập trung có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời góp phần chỉnh trang, tạo điểm nhấn cho thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm A (*theo Điều 8 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14*)
- Dự án không bao gồm thiết bị công trình theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính Phủ.
- Các nội dung khác: Thực hiện tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập theo quy định tại khoản 1 điều 5 Luật đầu tư công.

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho các cơ quan hành chính công, không có dây chuyền công nghệ sản xuất.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Hình thức tổ chức khối công trình:

Dự án Xây dựng Trụ sở chung cho các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Chính trị - Xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp khối theo chức năng (các đơn vị cơ quan có cùng tính chất hoặc có liên quan trong quá trình hoạt động sẽ được bố trí chung trong một khối công trình) với các khối chức năng chính dự kiến như sau:

- Khối tổng hợp: Sở Tài chính, Sở Nội vụ.
- Khối nội chính: Sở Tư pháp, Thanh tra

- Khối lưu thông phân phối: Sở Công Thương, Sở Tài chính
- Khối nông lâm nghiệp: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Khối công nghiệp: Sở Xây dựng, Sở Khoa học và công nghệ
- Khối văn hóa xã hội: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Y tế
- Khối Hội trường
- Khối Trung tâm lưu trữ
- Khối 04 tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: UBMTTQVN tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn Khánh Hòa và Ban Dân tộc
- Khối 13 Hội có tính chất đặc thù.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của khu đất xây dựng như sau:

- Quy hoạch sử dụng đất: Đất Cơ quan trụ sở
- Tổng diện tích khu đất: 9,21 ha
- Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
- Đất cây xanh cảnh quan tối thiểu 30%
- Đất giao thông kết nối nội khu, Bãi đỗ xe tối thiểu 30%
- Tầng cao : tối đa 24 tầng
- Tầng hầm: tối đa 1 tầng
- Hệ số sử dụng đất: áp dụng theo Quy chuẩn hiện hành.

Các chỉ tiêu quy hoạch của dự án được thiết kế cụ thể như sau:

A. BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m²)	TỈ LỆ (%)
I	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CHÍNH	16.776,0	18,21
1.1	- PHẦN NỘI : TỔ HỢP KHỐI CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ CHUNG (3 KHỐI A, B, C) + 1 PHẦN HẦM ĐỖ XE	16.712,0	
1.2	- CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT	0,0	
1.3	- NHÀ BẢO VỆ (SL:4)	64,0	
II	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH	58.063,5	63,04
III	DIỆN TÍCH GIAO THÔNG, SÂN BÃI	21.880,4	23,99
TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT		92.100,0	100
B. CHỈ TIÊU QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m²)	TỈ LỆ (%)
I	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT DỰ ÁN	92.100,0	

II	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG	49.712,5
1	- KHỐI A : TỔ HỢP TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ - THƯ VIỆN - HỘI THẢO - KHỐI HỘI TRƯỜNG - CĂN TIN	17.265,5
	+ TẦNG 1	4.186,0
	+ TẦNG 2	2.673,5
	+ TẦNG 3	2.355,0
	+ TẦNG 4	3.428,0
	+ TẦNG 5	3.166,0
	+ TẦNG 6	1.457,0
2	- KHỐI B : CÁC SỞ BAN NGÀNH THEO CHỨC NĂNG + TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ	16.191,5
	+ TẦNG 1	3.514,0
	+ TẦNG 2	3.359,0
	+ TẦNG 3	3.359,0
	+ TẦNG 4	2.578,0
	+ TẦNG 5	2.082,0
	+ TẦNG 6	1.212,0
	+ TUM	87,5
3	- KHỐI C : CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - VĂN HOÁ - XÃ HỘI + 19 HỘI ĐẶC THÙ	16.191,5
	+ TẦNG 1	3.514,0
	+ TẦNG 2	3.359,0
	+ TẦNG 3	3.359,0
	+ TẦNG 4	2.578,0
	+ TẦNG 5	2.082,0
	+ TẦNG 6	1.212,0
	+ TUM	87,5
4	- HẠNG MỤC PHỤ	64,0
	- NHÀ BẢO VỆ (SL:4)	64,0
I	- HẦM	13.340,0
	- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (
V	- CÁC HẠNG MỤC KHÁC	
	- CỘT CỜ	Số lượng :1
	- 02 SÂN TENNIS + 6 SÂN PICKELBALL	3191m²
	- BÃI ĐỖ XE NGOÀI TRỜI	2500m²
	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	
	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế cơ sở dự án)

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Trong khu vực dự kiến thu hồi đất để thực hiện dự án với tổng diện tích 9,21ha có một số diện tích đất có ký hiệu LUC (với tổng diện tích ước khoảng 5,056ha), ký hiệu TSL (với tổng diện tích ước khoảng 2,07ha), ký hiệu BHK (với tổng diện tích ước khoảng 1,06ha) và các loại đất khác (ONT, CLN, DGT).

Theo phụ lục số 02 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đất LUC là ký hiệu viết tắt của loại đất chuyên trồng lúa nước.

Như vậy, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác với tổng diện tích đất lúa ước khoảng 5,056 ha.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

Địa điểm thực hiện dự án: Khu đất thuộc Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính mới tỉnh Khánh Hoà, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

Tọa độ các điểm ranh giới dự án:

Bảng 1. Tọa độ và chiều dài cạnh ranh khu đất dự án

Số hiệu điểm	Tọa độ VN2000		Cạnh (m)
	X(m)	Y(m)	
①	1352646.240	599476.018	291.94 9.72 303.97 336.51 271.70
②	1352756.430	599746.368	
③	1352752.499	599755.258	
④	1352467.080	599859.822	
⑤	1352380.913	599534.526	
①	1352646.240	599476.018	

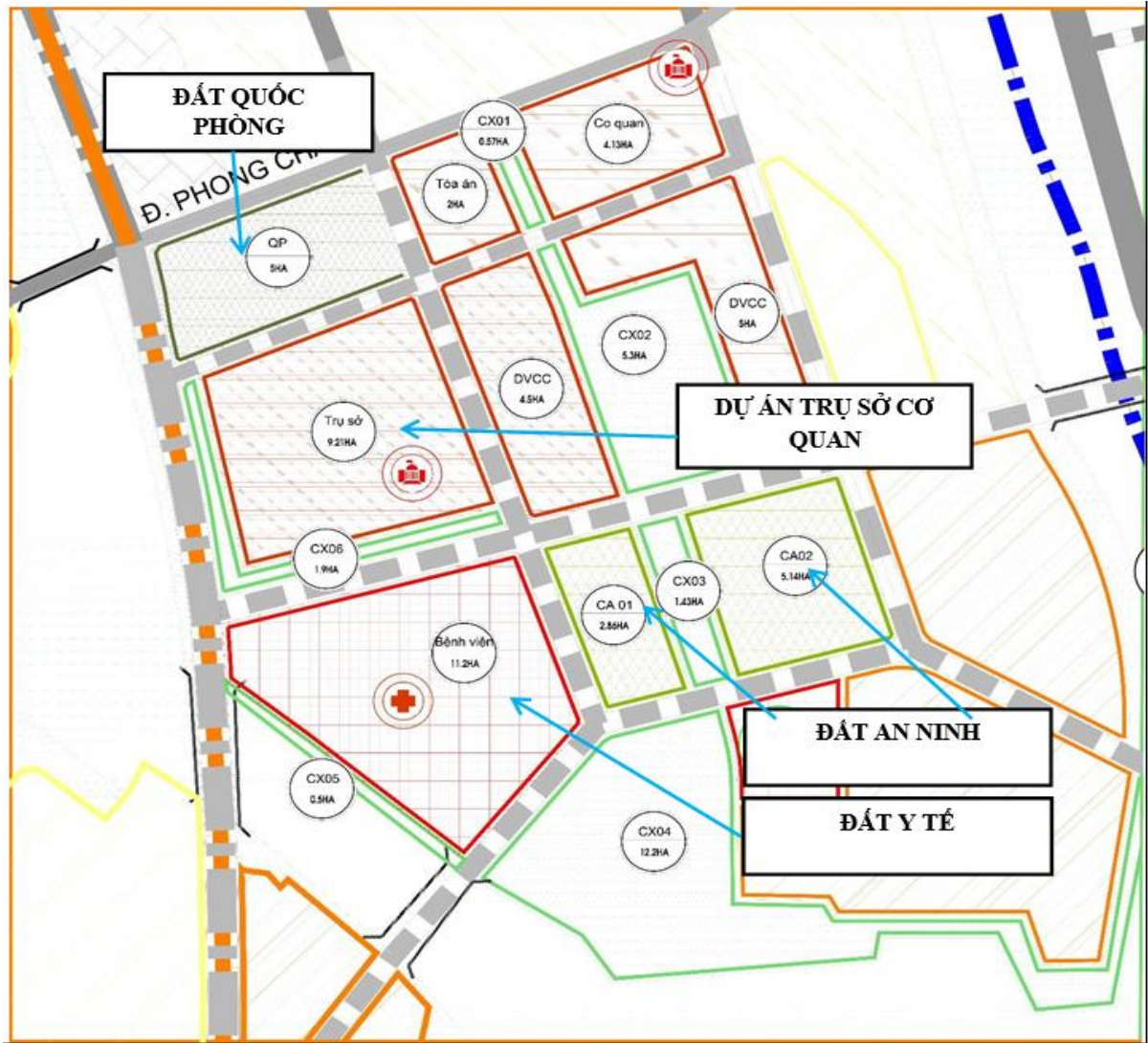
(Nguồn: Bình đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 khu đất dự án)

Vị trí dự án có tứ cận tiếp giáp với các tuyến đường theo định hướng quy hoạch:

- ❖ Phía Đông và Đông Nam: giáp đường rộng 39m và Trụ sở Công an tỉnh
- ❖ Phía Tây và Tây Nam: giáp. Đường Vành đai 3 và bến thủy nội địa
- ❖ Phía Nam: giáp đường rộng 46m
- ❖ Phía Bắc: giáp đường rộng 46m và lô đất xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa.



Hình 1. Vị trí thực hiện dự án trên nền ảnh vệ tinh



Hình 2. Vị trí lô đất dự án trong Quy hoạch điều chỉnh Phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính mới tỉnh Khánh Hoà

Các đối tượng xung quanh khu vực dự án:

- Dân cư hiện trạng chủ yếu tập chung dọc theo tuyến đường Phong Châu và ven sông Quán Trường. Một số ít hộ nằm trong khu vực đồng trũng và phía Đông Nam của khu vực dự án. Tại khu đất dự án hiện không có công trình kiến trúc kiên cố và dân cư thưa thớt.

- Là khu vực dân cư thưa thớt nên không tập trung nhiều các công trình công cộng cấp đô thị (cấp tỉnh; cấp huyện) và các công trình cấp đơn vị ở.

Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông: Ngoài một số tuyến đường nhựa, đường bê tông cấp phối trong khu dân cư; còn lại chủ yếu là đường bờ đất, đường mòn đi vào các khu nuôi trồng thủy sản. Chưa có đường vào khu đất dự án, hiện trạng nền khu đất thuộc vùng trũng, có độ sâu khoảng 2-3 m so với mặt đường nhựa.

- Hệ thống cấp điện: Xung quanh khu vực dự án trên đường Phong Châu, cách dự án khoảng 300m về hướng Bắc có trạm biến áp T.52H thuộc Xã Vĩnh Thái, tuyến

đường điện chạy theo hướng Phong Châu – Đất Lành (Đường dây 22kV tuyến 487TTNT).

- Hệ thống điện sinh hoạt: Trong khu vực dự án, mặc dù có nguồn cung cấp điện sinh hoạt nhưng chủ yếu được người dân sử dụng và kết nối một cách tự phát, không theo hệ thống điện chính thức

- Hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông): Mạng internet: trong khu vực dự án đang khai thác và sử dụng công nghệ mạng băng thông rộng, tín hiệu này do VNPT và Viễn thông quân đội khai thác là chủ yếu. Hỗ trợ cho mạng băng thông rộng là mạng 4G của các nhà cung cấp, mạng này hiện đang hoạt động rất hiệu quả.

- Hệ thống cấp nước: gần khu vực dự án có tuyến ống HDPE DN150 nằm trên vỉa hè phía Bắc đường Phong Châu (đoạn từ cầu sông Tắc đến cầu Phong Châu), nguồn nước được lấy từ nhà máy nước Suối Dầu.

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải: Trong ranh giới nghiên cứu dự án hiện chưa có hệ thống thoát nước đô thị. Nước mưa tự chảy theo địa hình xuống các địa tô, sau đó ra sông Tắc và sông Quán Trường.

- Hệ thống quản lý chất thải rắn: Chưa được thu gom xử lý, rác sinh hoạt được các hộ dân khu vực lân cận tập kết chung về trục đường Phong Châu để thu gom.

- Kết nối khu vực: Vị trí dự án được kết nối giao thông đối ngoại thông qua các tuyến đường bê tông xi măng hiện trạng ra đường Phong Châu (đã được đầu tư khai thác sử dụng) cách khoảng 150m. Các tuyến đường bê tông xi măng này phục vụ nhu cầu dân sinh trong khu vực. Do đó, để đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối giao thông đối ngoại và vận hành dự án cần thiết phải đầu tư thêm các tuyến đường giao thông vào dự án.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Tác động có liên quan tới chất thải

(1) Giai đoạn thi công xây dựng

*** Nguồn tác động:**

- San nền, đào đắp, đào móng tại khu vực dự án.

- Vận chuyển nguyên vật liệu (NVL): gây ô nhiễm môi trường không khí, tác động đến tuyến đường giao thông đường bộ, tác động đến dân cư dọc tuyến đường.

- Thi công các công trình: phát sinh khí thải, tiếng ồn từ các thiết bị thi công, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn gây tác động xấu đến nước mặt ven bờ; phát sinh CTR xây dựng, CTNH.

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án.

- Hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

*** Các tác động:**

- Về nước thải:

+ Nước thải xây dựng: nước thải trong quá trình thi công xây dựng chủ yếu là từ quá trình làm mát thiết bị, nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện ra vào công trình,... thành phần của nước thải này chủ yếu chứa nhiều cặn lắng, vật liệu thải, dầu mỡ, có hàm lượng chất lơ lửng và các chất hữu cơ cao, dự kiến khoảng 4 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải sinh hoạt từ 50 - 400 công nhân thi công trên công trường phát sinh khoảng 4,0 – 32 m³/ngày.đêm.

+ Nước mưa chảy tràn: cuốn theo đất cát, bê tông, gạch vữa xi măng... làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, trong quá trình xây dựng đất cát sử dụng để đắp đất san nền chưa được đầm chặt cũng sẽ bị cuốn trôi theo dòng nước ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt khu vực dự án.

- Về bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh do hoạt động san nền mặt bằng, bóc tách bề mặt khu đất.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển đất đào đắp; nguyên vật liệu, thiết bị thi công; hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trình.

- Bụi phát sinh từ hoạt động tập kết nguyên vật liệu.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động đào móng, đào đắp đất, thi công xây dựng công trình,...

- Về chất thải rắn:

+ Chất thải sinh hoạt: Lượng rác sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khoảng 15 - 120 kg/ngày.

+ Chất thải xây dựng: Phát sinh chất thải rắn xây dựng như: xi măng thừa, cát, đá, cofa, sắt thừa, bao bì phế thải... ngoài ra còn có lượng đất đào bóc tách, đất thừa và xà bần từ phá dỡ nền đường, nhà cửa và vật kiến trúc cần phải vận chuyển đổ bỏ.

+ Chất thải nguy hại gồm thùng sơn, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, hóa chất xây dựng (sơn, chất chống thấm),...

(2) Giai đoạn vận hành, hoạt động

*** Nguồn tác động**

- Hoạt động, làm việc cán bộ công nhân viên: phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, Chất thải nguy hại.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án.

*** Các tác động:**

- Về nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên tại Trụ sở chung và khách đến công tác dự kiến khoảng 150 m³/ngày.đêm.

- Về bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi dự án.

- + Mùi phát sinh từ hệ thống thu gom thoát nước, khu vực tập trung rác thải.
- Về chất thải rắn:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: dự kiến phát sinh khoảng 440 kg/ ngày.
 - + Chất thải nguy hại: Pin, ắc quy thải, các thiết bị linh kiện điện tử thải, bình xịt diệt côn trùng. Các loại chất thải này phát sinh không thường xuyên và lượng phát thải không cao.
 - + Bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thu gom và thoát nước.

2.2.2. Tác động không liên quan đến chất thải

(1) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công.
- Tác động đến chất lượng nước sông nếu hoạt động thi công và xả thải không đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.

*** Tác động tích cực:**

Tạo cơ hội việc làm cho dân cư địa phương: quá trình thi công xây dựng sẽ cần khoảng 50 - 400 công nhân làm việc tại đây. Nhu cầu lao động của dự án có thể giải quyết được nhu cầu việc làm cho một số lao động, góp phần làm tăng thu nhập, cải thiện đời sống của một bộ phận người dân.

*** Tác động tiêu cực:**

Quá trình xây dựng dự án sẽ tập trung một lượng công nhân tại địa phương, điều này sẽ làm phát sinh những vấn đề xã hội sau:

- Bệnh tật: do điều kiện môi trường sống tại công trường không được tốt nên các công nhân rất dễ mắc phải các bệnh truyền nhiễm như sốt rét, tiêu chảy...
- Ngộ độc thực phẩm: do điều kiện bảo quản, chế biến thực phẩm không được tốt nên rất dễ gây ra hiện tượng ngộ độc thực phẩm với triệu chứng lâm sàng như nôn mửa, tiêu chảy, chóng mặt, sốt, đau bụng... Ngộ độc thực phẩm không chỉ gây hại cho sức khỏe (có thể dẫn đến tử vong) mà còn khiến tinh thần con người mệt mỏi.
- Mâu thuẫn trong nội bộ công nhân và các khó khăn trong công tác quản lý an ninh trật tự và vệ sinh môi trường trong khu vực dự án.

(2) Giai đoạn vận hành, hoạt động

- Tiếng ồn từ các phương tiện tham gia giao thông
- Tiếng ồn phát sinh trong khu vực máy phát điện:
 - Mức ồn tạo nên từ các máy phát điện có thể đạt 82 dBA tại vị trí cách xa 15 m. Như vậy, mức ồn lớn nhất ở khoảng cách 60 m khoảng 70 dBA.
 - Tác động tới kinh tế - xã hội

+ Dự án hình thành nên một tổ hợp liên trụ sở mới hiện đại với quy mô công trình hoàn chỉnh phù hợp với quy hoạch chung tổng thể của thành phố Nha Trang, nhất là về mặt cảnh quan đô thị được văn minh, sạch đẹp.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi liên hệ công tác giao dịch hành chính - tất cả các sở ngành đều có khu vực tiếp công dân.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý nhân viên cũng như giám sát thái độ phục vụ của cán bộ các sở ngành với người dân thông qua hệ thống “Quản lý tòa nhà thông minh”.

+ Giảm được chi phí đáng kể khi các sở, ngành cùng sử dụng một đội xe công, hay sử dụng chung cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất như: chung hội trường, phòng họp, nhà để xe...Giảm chi phí đi lại, chi phí bưu điện, chuyển công văn (từ cơ quan này đến cơ quan khác đều đưa trực tiếp), chi phí bảo vệ, cây xanh...

+ Thuận lợi trong quan hệ công việc giữa các đơn vị (từ khối đảng, chính quyền, sở, ban, ngành).

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường liên quan đến chất thải

(1) Giai đoạn thi công xây dựng

- Về nước thải:

+ Nước thải xây dựng: nước thải xây dựng phát sinh chủ yếu từ nước thải rửa xe, vệ sinh thiết bị, máy móc,...sẽ được tập hợp tại hố lắng để lắng cặn trước khi thoát ra môi trường. Tiến hành đào hố lắng có thể tích 4 m³ tại vị trí cầu rửa xe để giảm bớt đất cát sẽ được tận dụng để tưới ẩm tại công trình hạn chế bụi. Vừa đọng lại trong hố lắng sẽ được nạo vét định kì, thu gom tập trung tại một nơi cố định và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Nước thải sinh hoạt: lắp đặt nhà vệ sinh di động composite gần khu vực lán trại công nhân. Chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

+ Nước mưa chảy tràn: đối với khu vực san lấp và thi công nhưng chưa hoàn thiện hệ thống thoát nước sẽ tiến hành đào các rãnh thoát nước tạm đảm bảo thoát nước tốt theo địa hình trong thời gian thi công.

- Về bụi, khí thải:

+ Thường xuyên phun nước tưới ẩm với tần suất 2 - 4 lần/ngày tùy thuộc vào điều kiện thời tiết khi thi công đào đắp và móng.

+ Thực hiện đào đắp theo từng khu vực, làm đến đâu dứt điểm đến đó.

+ Thực hiện che chắn khu vực dự án.

+ Không vận chuyển vào các giờ cao điểm, giờ tan tầm và sau 22 giờ. Ngoài các giờ cao điểm, sẽ điều tiết hoạt động vận chuyển để hạn chế tập trung nhiều xe nhằm hạn chế ảnh hưởng đến các nhà dân dọc 2 bên đường các tuyến đường vận chuyển.

- + Không chất vật liệu đầy vượt quá thùng xe trong quá trình vận chuyển.
- + Dùng bạt che phủ thùng xe khi vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng) nhằm giảm thiểu lượng bụi phát tán cũng như lượng vật liệu bị rơi vãi trên đường).
- + Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ nhằm tránh vương vãi ra đường.
- + Không sử dụng máy móc quá cũ, thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc và các phương tiện vận chuyển, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào vận hành.
- + Máy móc thiết bị thi công và vận chuyển sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.
- Về chất thải rắn:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác dung tích 100 l/thùng có nắp đậy gần khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác; sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.
 - + Chất thải rắn xây dựng: Đối với các loại có thể tái sử dụng như vụn sắt, bao bì xi măng... sẽ được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Lượng chất thải này sẽ được tập trung trong kho chứa của công trường và định kỳ bán cho đơn vị thu mua. Đối với lượng đất đào hữu cơ không tận dụng, khi vận chuyển ra ngoài dự án, chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công sẽ liên hệ cơ quan chức năng thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoáng sản, Luật trồng trọt và các quy định pháp luật khác hiện hành để đảm bảo được việc bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước (Độ sâu tầng đất mặt bóc tách từ 20 đến 25 cm tính từ mặt đất).
 - Chất thải nguy hại: bố trí tạm thời khu vực lưu trữ chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng các quy định trong Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi trường.

(2) Giai đoạn vận hành, hoạt động

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa sử dụng hệ thống đường ống và cống hộp BTCT được bố trí dưới lòng đường thu gom nước mưa đầu nổi với hệ thống thoát nước mưa của và thoát về khu vực đầu nổi vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực theo quy hoạch.
- Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn được đầu nổi theo quy hoạch được dẫn về Nhà máy xử lý nước thải phía Nam thành phố Nha Trang để xử lý đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trước khi thải ra môi trường. Tuy nhiên, trong trường hợp dự án được triển khai xây dựng và vận hành trước khi dự án hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch triển khai xây dựng thì phương án đưa ra là dự án sẽ đầu tư xây dựng mới Hệ thống xử lý nước thải công suất **dự kiến 100 m³/ ngày.đêm** để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trước khi thải ra môi trường.

- Đối với hệ thống điều hòa: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị định kỳ; Bố trí các thiết bị tản nhiệt cho hệ thống máy lạnh.

- Đối với trạm phát điện: Tại các khu vực để máy phát điện dự phòng sẽ được trang bị quạt thông gió nhằm đảm bảo tránh khả năng tích tụ khí thải ở nồng độ lớn có nguy cơ tác động đối với sức khỏe cộng đồng. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống các máy phát điện.

- Điểm tập kết chất thải rắn: Trồng cây xanh cách ly xung quanh khu vực điểm tập kết chất thải rắn. Sử dụng chế phẩm vi sinh khử mùi hôi và giảm khối lượng chất thải rắn phát sinh

- Đối với khu nhà làm việc: Thực hiện theo Văn bản số 8408/UBND-TNMT ngày 24/10/2024 của UBND thành phố Nha Trang về việc triển khai thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Nha Trang, bố trí 02 thùng chứa rác tại mỗi khu vực và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại dự án khi đi vào vận hành như sau:

+ Thùng chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy thải, nhựa thải, kim loại thải, thủy tinh thải, vải, đồ da, đồ gỗ, cao su, thiết bị điện, điện tử thải bỏ: Lưu chứa trong thùng/ bao bì màu trắng, tần suất thu gom 01-02 lần/tuần/ tuyến đường.

+ Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác như thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần bỏ sau khi sơ chế,... : Lưu chứa trong thùng/ túi đựng màu vàng, tần suất thu gom 01 lần/ ngày.

- Đối với các nơi công cộng như khu vực khuôn viên cây xanh, đường trục chính... đặt các thùng rác có nắp kín dung tích 120 L, 240 L với khoảng cách 100m/thùng.

Rác thải thu gom sẽ được đơn vị có chức năng về môi trường thu gom, vận chuyển đến điểm trung chuyển hoặc khu vực xử lý tập trung theo quy định

2.3.2. Giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không liên quan đến chất thải

(1) Giai đoạn thi công xây dựng

- Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn và độ rung thấp; không thi công trong khoảng thời gian từ 18h tối hôm trước tới 6h sáng hôm sau.

+ Phương tiện vận chuyển không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc, phương tiện thi công có tiếng ồn, độ rung cao.

- Tuân thủ các quy định về giao thông; không chuyên chở quá tải trọng cho phép; không vận hành quá tốc độ cho phép; trang bị các thiết bị an toàn, bao gồm các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng, phao cứu sinh.

(2) Giai đoạn vận hành, hoạt động

Để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ các máy phát điện dự phòng, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Theo thiết kế, khu vực lắp đặt hệ thống máy phát điện dự phòng là khu hạ tầng kỹ thuật như vậy sẽ giảm thiểu tối đa tiếng ồn đến các khu vực xung quanh và dân cư xung quanh.

- Bên cạnh đó, việc thiết kế hệ thống giảm ồn trong khu vực đặt máy phát điện và chất lượng thiết bị, máy móc nhập về đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện giao thông: Xây dựng các biển báo giảm tốc độ đối với các tuyến đường nội bộ.

- Lập đội vệ sinh môi trường và chăm sóc cây xanh thảm cỏ trong khuôn viên khu vực (khu vực công cộng, công viên, căn hộ, dịch vụ du lịch,...) Ưu tiên thu nhận lao động tại chỗ vào làm việc trong khu dự án. xx

- Phối hợp với chính quyền địa phương kiểm soát các dịch bệnh có nguy cơ bùng phát, dễ lây lan như H5N1, Covid, sốt xuất huyết,...

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát môi trường không khí:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí công vào công trình gần với khu dân cư; 01 vị trí chân hàng rào công trình tiếp giáp với khu dân cư phía Tây Bắc của dự án).

+ Chỉ tiêu: Bụi, tiếng ồn

+ Tần suất: 3 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. QCVN 26:2010/BTNMT: Tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư.

2.4.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ chất thải (nước thải) theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.5. Các nội dung khác

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải (nếu có): **Không có**

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật (nếu có): **Không có**

3. Cam kết của Chủ dự án

- Chúng tôi cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu sử dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chúng tôi cam kết thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường của dự án, thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn, chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Chúng tôi xin cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình thi công để đảm bảo an ninh trật tự khu vực thực hiện dự án.

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư tham gia giám sát chặt chẽ các nội dung hoạt động của dự án đã được phê duyệt.

- Cam kết vận chuyển đất đào ra khỏi dự án cần thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản, Luật trồng trọt và Luật Bảo vệ môi trường

- Cam kết ký quỹ và bồi hoàn đường giao thông theo quy định.

- Cam kết phối hợp với Chính quyền địa phương thông báo cho dân biết để nắm rõ các thông tin về dự án: thời gian thi công, tiến độ thực hiện và phương án thực hiện dự án để dân kiểm tra, giám sát.

- Cam kết công khai thông tin đường dây nóng của dự án (ít nhất 02 số điện thoại của chủ đầu tư và trưởng bộ phận thi công) để khi xảy ra sự cố chính quyền địa phương và người dân có thể liên hệ để giải quyết và khắc phục.

- Cam kết giám sát, đảm bảo nguồn vật liệu san lấp khi thi công dự án phải có nguồn gốc xuất xứ cho phép theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

- Cam kết công khai báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hiến

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thái từ ngày tháng năm 2025.